

Phụ lục I
CHÍNH SÁCH MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ THEO QUY ĐỊNH CỦA NHÀ NƯỚC

TT	Đối tượng	Miễn/giảm học phí	Hồ sơ	Số lần nộp hồ sơ
1	Sinh viên là người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng ¹	Miễn học phí ²	- Đơn đề nghị miễn giảm học phí; - Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công (bản photo công chứng).	Nộp 01 lần cho toàn khóa học
2	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí ²	- Đơn đề nghị miễn giảm học phí; - Giấy xác nhận khuyết tật do UBND cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (bản photo công chứng).	Nộp 01 lần cho toàn khóa học
3	Sinh viên đến 22 tuổi thuộc đối tượng bảo trợ xã hội hàng tháng ³	Miễn học phí ²	- Đơn đề nghị miễn giảm học phí; - Quyết định trợ cấp xã hội của chủ tịch UBND cấp huyện (bản photo công chứng).	Nộp 01 lần cho toàn khóa học
4	Sinh viên hệ cử tuyển ⁴	Miễn học phí ²	- Đơn đề nghị miễn giảm học phí; - Quyết định đi học theo chế độ cử tuyển của cơ quan có thẩm quyền (bản photo công chứng).	Nộp 01 lần cho toàn khóa học
5	Sinh viên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định	Miễn học phí ²	- Đơn đề nghị miễn giảm học phí; - Bản sao Giấy khai sinh; - Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp (bản photo công chứng).	Nộp 02 lần/năm học, vào đầu mỗi học kỳ
6	Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít	Miễn học phí ²	- Đơn đề nghị miễn giảm học phí; - Bản sao Giấy khai sinh;	Nộp 01 lần cho

¹ Điều 3, Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Ưu đãi Người có công với Cách mạng.

² Điều 15, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

³ Điều 5, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

⁴ Điều 2, Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 của Chính phủ Quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số.

TT	Đối tượng	Miễn/giảm học phí	Hồ sơ	Số lần nộp hồ sơ
	người ⁵ ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn ⁶		- Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân (bản photo không cần công chứng); - Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.	toàn khóa học
7	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo ⁶	Giảm 70% ⁷	- Đơn đề nghị miễn giảm học phí; - Bản sao Giấy khai sinh; - Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân (bản photo không cần công chứng); - Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.	Nộp 01 lần cho toàn khóa học
8	Sinh viên là con của cán bộ, công chức, viên chức, công nhân được trợ cấp thường xuyên (bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động)	Giảm 50% ⁸	- Đơn đề nghị miễn giảm học phí; - Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp (bản photo công chứng).	Nộp 01 lần cho toàn khóa học

⁵ 16 dân tộc có số dân dưới 10.000 người: Cống, Mảng, Pu Páo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ.

⁶ - Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc: Phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 – 2025;

- Các quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới về phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi (nếu có).

⁷ Điểm c, khoản 1, Điều 16, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

⁸ Điểm a, khoản 2, Điều 16, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Phụ lục II
CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

TT	Đối tượng	Mức trợ cấp	Hồ sơ	Số lần nộp hồ sơ
1	Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo	60% mức lương cơ sở x 5 tháng/học kỳ ⁹	- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập; - Bản sao Giấy khai sinh; - Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo còn giá trị (bản photo công chứng).	Nộp 02 lần/năm học, vào đầu mỗi học kỳ
2	Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người ⁵	100% mức lương cơ sở x 6 tháng/học kỳ ¹⁰	- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập; - Bản sao Giấy khai sinh.	Nộp 01 lần cho toàn khóa học

⁹ Điều 2, Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

¹⁰ Điều 3, khoản 1, Điều 4, Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.

Phụ lục III
CHÍNH SÁCH TRỢ CẤP XÃ HỘI

TT	Đối tượng	Mức trợ cấp	Hồ sơ	Số lần nộp hồ sơ
1	Người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn ⁶	140.000 đồng/người /tháng ¹¹	- Đơn đề nghị xét trợ cấp xã hội; - Bản sao Giấy khai sinh; - Đơn xác nhận của chính quyền địa phương sinh viên có hộ khẩu thường trú ở vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ 3 năm trở lên (tính đến thời điểm nhập học).	Nộp 01 lần cho toàn khóa học
2	Sinh viên mồ côi cha mẹ không nơi nương tựa	100.000 đồng/người /tháng ¹¹	- Đơn đề nghị xét trợ cấp xã hội; - Giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ của chính quyền địa phương; - Xác nhận của cơ quan thương binh cấp quận, huyện, thị xã xác nhận sinh viên không có nguồn trợ cấp thường xuyên.	Nộp 01 lần cho toàn khóa học
3	Sinh viên là người tàn tật, suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên, gặp khó khăn về kinh tế	100.000 đồng/người /tháng ¹¹	- Đơn đề nghị xét trợ cấp xã hội; - Biên bản giám định y khoa về tỉ lệ suy giảm khả năng lao động; - Xác nhận của UBND phường/ xã về hoàn cảnh kinh tế khó khăn.	Nộp 01 lần cho toàn khóa học
4	Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập	100.000 đồng/người /tháng ¹¹	- Đơn đề nghị xét trợ cấp xã hội; - Giấy chứng nhận hộ nghèo còn giá trị (bản photo công chứng).	Nộp 02 lần/năm học, vào đầu mỗi học kỳ

¹¹ Điều 2, Quyết định số 05/VBHN-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập

Phụ lục IV
CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI SINH VIÊN KHUYẾT TẬT

TT	Đối tượng	Mức học bổng	Mức hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập	Hồ sơ	Số lần nộp hồ sơ
1	Sinh viên khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo	80% mức lương cơ sở x 5 tháng/học kỳ ¹²	500.000đ/học kỳ ¹³	- Đơn đề nghị cấp học bổng và kinh phí hỗ trợ; - Giấy chứng nhận khuyết tật (bản photo công chứng); - Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo còn giá trị (bản sao công chứng).	Nộp 02 lần/năm học, vào đầu mỗi học kỳ

¹² Khoản 1, Điều 7, Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.

¹³ Khoản 2, Điều 7, Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.

